

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/KDTM-ST

Ngày: 20/8/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc An

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Ba

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hồng M – Trưởng Phòng Khách hàng.

Địa chỉ: Đường số C, Khu công nghiệp T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH W.

Địa chỉ trụ sở: Đường A, Khu công nghiệp L, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Song S – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trà M1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đường A, Khu công nghiệp L, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần S1.

Địa chỉ: Khu công nghiệp L, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh T – Tổng Giám đốc.

(Ông M, bà M1 có mặt, Công ty Cổ phần S1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2024 quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt Ngân hàng) do ông Vũ Hồng M trình bày:*

Ngày 24/01/2022, Ngân hàng N - Chi nhánh T2 và Công ty TNHH W ký kết Hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202200064 theo đó Ngân hàng N - Chi nhánh T2 đồng ý cho Công ty TNHH W vay hạn mức là 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ, năm trăm triệu đồng) mục đích để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất vay vốn VND trong hạn là 7,0%/năm, lãi suất vay vốn USD trong hạn là 4,0%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 24/01/2022, kỳ hạn khế ước là 06 tháng, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Kể từ ngày 25/01/2023, Hợp đồng tín dụng nêu trên đã hết hiệu lực, do khoản vay vốn là vay theo hạn mức tín dụng do đó đến ngày 12/06/2023 Công ty và Ngân hàng tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn mới cho năm 2023, trong đó có 3 khế ước vay vốn còn dư nợ của hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202200064 sẽ tiếp tục chuyển sang theo dõi tại hợp đồng tín dụng mới năm 2023.

Ngày 12/06/2023, Ngân hàng N - Chi nhánh T2 và Công ty TNHH W ký kết Hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 theo đó Ngân hàng N - Chi nhánh T2 đồng ý cho C vay hạn mức là 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng) mục đích để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất vay vốn VND trong hạn là 9%/năm, lãi suất vay vốn USD trong hạn là 4.5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 12/06/2023, kỳ hạn khế ước là 06 tháng, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Hiện nay toàn bộ số dư nợ mà Ngân hàng N - Chi nhánh T2 thực hiện khởi kiện được theo dõi tại duy nhất 01 hợp đồng tín dụng hiện hữu là Hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Công ty TNHH W thế chấp tại Ngân hàng N - Chi nhánh T2 các máy móc thiết bị của công ty.

Nội dung thế chấp trên được lập thành Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/WONJINKOLON-MMTB/HĐTC ngày 24/01/2022 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh T2 và Công ty TNHH W1 sau đổi tên thành Công ty TNHH W, được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 24/01/2022, hồ sơ thế chấp tài sản đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định tại Trung Tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng (xác nhận ngày 24/01/2022). Đính kèm Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 2404WONJIN/SĐHĐTC ngày 15/04/2024, ngày 25/7/2024 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh T2 và Công ty TNHH W.

Công ty chưa thanh toán được nợ vay theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng từ ngày 10/7/2023, theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu Công ty trả 266.501,50 USD (hai trăm sáu mươi sáu ngàn, năm trăm lẻ một phẩy năm mươi Đô la Mỹ)

tương đương 6.744.619.962 đồng, sau đó có thanh toán được một phần vào ngày 25/7/2024 nên nay Ngân hàng N chỉ yêu cầu Công ty TNHH W có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ 6.133.118.818 đồng, trong đó, nợ gốc: 241,488.78 USD (tương đương 6.092.761.919 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng/USD); Nợ lãi tạm tính đến ngày 20/8/2024 là 1,599.56 USD (tương đương 40.356.899 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng/USD).

Công ty TNHH W sẽ chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202200222 ngày 12/06/2023 kể từ ngày 21/8/2024 trở đi cho đến khi thi hành xong nợ.

Trường hợp Công ty TNHH W không thanh toán, thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm các tài sản theo hợp đồng bảo đảm số 01/2022/WONJINKOLON-MMTB/HĐTC ngày 24/01/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 24/01/2022 đã được ký hợp đồng thế chấp, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Trung Tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng và các hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 15/4/2024, ngày 25/7/2024 vào đảm bảo thi hành án.

Trường hợp phát mãi tài sản không đủ thanh toán nợ Công ty TNHH W có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ.

Ngân hàng hỗ trợ chịu ½ án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ.

Về nội dung Công ty TNHH W có đề nghị trong quá trình thi hành bản án Ngân hàng hỗ trợ miễn lãi cho Công ty để sớm giải quyết xong số nợ, thanh lý hợp đồng thì sẽ xem xét trong thời gian thi hành án.

Ngoài ra không trình bày hay yêu cầu gì khác.

** Bị đơn Công ty TNHH W do bà Trà M1 đại diện trình bày:*

Công ty TNHH W là khách hàng kí hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 ký ngày 12 tháng 06 năm 2023 và các văn bản, phụ lục sửa đổi hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng N - Chi nhánh T2, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/WONJINKOLON-MMTB/HĐTC ngày 24/01/2022 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký với A - Chi nhánh T2. Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH W gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh do đợt dịch Covid kéo dài, ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới. Công ty L vào khó khăn do bị cắt giảm đơn hàng 70%, hoạt động sản xuất bị ngưng trệ và cắt giảm nhiều dẫn tới doanh thu sụt giảm. Mặc dù A - Chi nhánh T2 đã tạo điều kiện gia hạn thời hạn thanh toán các khoản nợ cho doanh nghiệp nhưng do hoàn cảnh quá khó khăn, Công ty TNHH W phải dừng hoạt động kinh doanh vì không đủ khả năng tài chính để tiếp tục hoạt động và chi trả các khoản nợ. Công ty TNHH W còn nợ lại số tiền 265,974.91 USD nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 ngày 12/06/2023 và trả được một phần nợ vay trong quá trình giải quyết vụ án.

Do Công ty TNHH W đã chấm dứt hợp đồng thuê xưởng với phía khu công nghiệp từ ngày 31/12/2023 và phải bàn giao lại nhà xưởng cho Công ty S1 nên Công

ty TNHH W không thể tiếp tục bảo quản phần tài sản bảo đảm. Công ty đồng ý với đề nghị từ phía ngân hàng và bàn giao tài sản bảo đảm cho ngân hàng xử lý.

Trước đây Công ty TNHH W có ý kiến: Trường hợp phát mãi tài sản không đủ thanh toán nợ Công ty TNHH W có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ. Nếu phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký không đủ thì Công ty không đồng ý có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi hết số nợ còn lại. Công ty sẽ bàn giao tất cả tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký cho phía ngân hàng và công ty không chịu khoản chi phí phát sinh bao gồm chi phí di dời tài sản và án phí khi giải quyết vụ án.

Nay Công ty TNHH W đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:

Công ty TNHH W sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ 6.133.118.818 đồng, trong đó, nợ gốc: 241,488.78 USD (tương đương 6.092.761.919 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng/USD); Nợ lãi tạm tính đến ngày 20/8/2024 là 1,599.56 USD (tương đương 40.356.899 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng/USD).

Công ty TNHH W sẽ chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 ngày 12/06/2023 kể từ ngày 21/8/2024 trở đi cho đến khi thi hành xong nợ.

Trường hợp Công ty TNHH W không thanh toán, thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm các tài sản theo hợp đồng bảo đảm số 01/2022/WONJINKOLON-MMTB/HĐTC ngày 24/01/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 24/01/2022 đã được ký hợp đồng thế chấp, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Trung Tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng và các hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 15/4/2024, ngày 25/7/2024 vào đảm bảo thi hành án.

Trường hợp phát mãi tài sản không đủ thanh toán nợ Công ty TNHH W có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ.

Công ty cũng có mong muốn trong quá trình thi hành bản án thì phía Ngân hàng sẽ hỗ trợ miễn lãi cho Công ty để sớm giải quyết xong số nợ, thanh lý hợp đồng.

Công ty sẽ chịu $\frac{1}{2}$ án phí và chi phí phát sinh, đề nghị ngân hàng hỗ trợ $\frac{1}{2}$.

** Tại bản trình bày ý kiến trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần S1 trình bày:*

Công ty Cổ phần S1 ký kết với Công ty TNHH W là khách hàng đang thuê nhà xưởng số 52 và 53, đường A - 7 tại KCN L theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 45/HD-SZL-KDĐT.TX ngày 12/6/2019 và Phụ lục 1 ngày 12/6/2019, Phụ lục 2 ngày 12/6/2019, Phụ lục 3 ngày 12/6/2019, Phụ lục 2020-1 ngày 03/01/2020, Phụ lục 2021-1 ngày 04/01/2021, Phụ lục 2022-1 ngày 04/01/2022, Phụ lục 2023-1 ngày 03/01/2023, Phụ lục 2023-2 ngày 09/6/2023, Phụ lục 2024-1 ngày 02/1/2024; Hợp đồng cung cấp nước và sử dụng nước số 158/HĐ- SZL-KDĐT.N ngày 12/6/2019 và Phụ lục 01 ngày 03/9/2019, Phụ lục 2023-1 ngày 09/6/2023; Hợp đồng xử lý nước thải số 134/HĐ-SZL-KDĐT.NT ngày 12/6/2019 và Phụ lục 2020-1 ngày 03/01/2020, Phụ lục 2021-1 ngày 04/01/2021, Phụ lục 2022-1 ngày 04/01/2022, Phụ

lục 2023-1 ngày 03/01/2023, Phụ lục 2023-2 ngày 09/6/2023, Phụ lục 2024-1 ngày 02/1/2024.

Công ty TNHH W và Sonadezi Long T1 đã chấm dứt toàn bộ việc thuê nhà xưởng theo Hợp đồng thuê nhà xưởng và các hợp đồng, phụ lục liên quan ngày 16/4/2024. Việc chấm dứt này là hoàn toàn tự nguyện và đã được Sonadezi Long T1 và Công ty TNHH W ghi nhận tại Biên bản làm việc, Biên bản thanh lý giữa các bên. Đồng thời, do các bên có vấn đề về công nợ và công tác di dời nên đã có sự thống nhất để công nhận thỏa thuận tại tòa án.

Căn cứ Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thì Công ty TNHH W có trách nhiệm di dời tài sản, bàn giao mặt bằng thuê nhà xưởng cho Công ty Cổ phần S1 vào ngày 9/5/2024.

Tuy nhiên, hiện nay Công ty TNHH W chưa thực hiện việc di dời, bàn giao theo Quyết định đã có hiệu lực của tòa án nên Sonadezi Long Thành đề nghị thực hiện việc yêu cầu thi hành án theo quy định.

S xác định hiện nay Công ty TNHH W không còn hợp đồng thuê, không còn bất cứ quyền lợi nào đối với khu đất nhà xưởng trước đây cho thuê. Bất cứ tổ chức nào lưu giữ các tài sản không phải của Sonadezi Long T1 trên nhà xưởng đều đang làm ảnh hưởng, tổn hại đến quyền lợi chính đáng của Sonadezi Long T1 với tư cách chủ sở hữu công trình nhà xưởng.

S đề nghị các bên (Ngân hàng N, Công ty TNHH W) phối hợp với Công ty Cổ phần S1 trong việc thi hành án bàn giao nhà xưởng theo Quyết định đã có hiệu lực của tòa án mà phía Công ty Cổ phần S1 đang là bên được thi hành án. S cũng đề nghị Ngân hàng N chủ động tìm kiếm nơi tập kết, di dời tài sản thế chấp để không cản trở quyền sở hữu hợp pháp, chính đáng của Công ty Cổ phần S1, tạo thuận lợi khi S phối hợp làm thủ tục với Cơ quan thi hành án.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng” liên quan đến công nợ của Ngân hàng N; do Sonadezi Long T1 không phải là một bên tham gia giao kết, thực hiện các hợp đồng này nên Sonadezi H Long Thành không có ý kiến, đề nghị tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ để giải quyết theo quy định chung.

Về vấn đề hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp, S Thành kính đề nghị tòa án khi giải quyết yêu cầu của Ngân hàng cần xem xét thấu đáo để có quyết định bảo đảm quyền lợi hợp pháp chính đáng của Sonadezi Long T1.

Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt công ty trong toàn bộ quá trình làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ, các hoạt động tố tụng khác và tại các phiên xét xử của Tòa án .

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ngày 05/4/2024; Giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 10/5/2024 (D – M); Quyết định số 600/QĐ-HĐTV về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng N; Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 6665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2012; Căn cước công dân ông Nguyễn Tấn D1; Quyết định số 83/QĐ-NHNo-TCNS ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh – Chi nhánh T2; Căn cước công dân Võ Thị V1; Quyết định số 690/QĐ-NHNo-TCNS ngày 31 tháng 3 năm 2024 về việc bổ nhiệm đối với cán bộ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một

thành viên của Ngân hàng; Hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 ngày 12/6/2023 kèm sổ giao dịch tiền vay; Các biên bản làm việc ngày 08/01/2024, 30/8/2023 kèm các Giấy báo nợ quá hạn, ngày 11/7/2023 kèm các Giấy báo nợ quá hạn; Công văn số: 33/TB.NHNo-TPh-KH về việc Đề nghị hỗ trợ thông tin đối với khách hàng; số 141A/TB.NHNo-TPh-KH về việc xử lý nợ của Công ty TNHH W; Số 135/NHNo-TPh-KH về việc Phúc đáp công văn số 40/SZL-KDĐT; Báo cáo đề xuất giải ngân lần 20230006, giấy nhận nợ, bảng kê vay vốn ngày 03/01/2023, các hóa đơn giá trị gia tăng; Báo cáo đề xuất giải ngân lần 202300041 ngày 10/01/2023, giấy nhận nợ kèm các hóa đơn giá trị gia tăng; Báo cáo đề xuất giải ngân lần 20230080 ngày 16/01/2023 kèm các hóa đơn giá trị gia tăng; Báo cáo đề xuất giải ngân 5903-LDS-20230115/00734 ngày 15/6/2023, giấy nhận nợ ngày 15/6/2023 kèm các hóa đơn giá trị gia tăng, danh sách chuyển tiền lương của Công ty; Báo cáo đề xuất giải ngân 5903-LDS-202300738 ngày 16/6/2023 kèm ủy nhiệm chi, bảng thanh toán lương của công ty; Báo cáo đề xuất giải ngân 5903-LDS-202300771 ngày 23/6/2023, giấy nhận nợ ngày 22/6/2023, lệnh chuyển tiền; Báo cáo đề xuất giải ngân 5903-LDS-202300778 ngày 23/6/2023, giấy nhận nợ, bảng kê thanh toán, bảng kê vay vốn của Công ty kèm các hóa đơn giá trị gia tăng; Báo cáo đề xuất giải ngân 5903-LDS-202300938 ngày 01/8/2023, giấy nhận nợ ngày 01/8/2023, thông báo thanh toán quá hạn của Công ty CP S1; Báo cáo đề xuất giải ngân 5903-LDS-202300948 ngày 03/8/2023, giấy nhận nợ ngày 03/8/2023, các hóa đơn giá trị gia tăng; Báo cáo đề xuất giải ngân 5903-LDS-2023 ngày 12/9/2023, giấy nhận nợ ngày 12/9/2023; Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 24/01/2022, biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm ngày 24/01/2022, phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 24/01/2022, bảng kê tài sản thế chấp năm 2021, văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 24/01/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 12/6/2023, biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm ngày 12/6/2023; Các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH W; Bản tự khai ngày 21/6/2022, ngày 12/7/2024, 02 bản tự khai ngày 01/8/2024; Đơn đề nghị sao chụp tài liệu ngày 12/7/2024; Đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2024; Bản trình bày ý kiến ngày 18/6/2024; Căn cước công dân Trà My; Giấy ủy quyền ngày 15/6/2024, ngày 22/7/2024; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2024/QĐST-DS ngày 26/4/2024; Công văn số 93/3/SZL-KDĐT ngày 30/5/2024; Bản tự khai ngày 21/6/2024; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH W; Bản trình bày ý kiến ngày 25/6/2024; Bản tự khai ngày 12/7/2024, ngày 01/8/2024; Đơn đề nghị sao chụp tài liệu ngày 12/7/2024; Hợp đồng thuê nhà xưởng tại khu công nghiệp L số 45/HĐ-SZL-KDĐT.TX ngày 12/6/2019; Biên bản thanh lý hợp đồng thuê nhà xưởng số 45/HĐ-SZL-KDĐT.TX ngày 16/4/2024; Biên bản thanh lý hợp đồng xử lý nước thải số 134/HĐ-SZL-KDĐT.NT ngày 16/4/2024; Biên bản thanh lý hợp đồng cung cấp và sử dụng nước số 158/HĐ-SZL-KDĐT.N ngày 16/4/2024; Biên bản làm việc ngày 16/4/2024; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2024/QĐST-DS ngày 26/4/2024; Văn bản trình bày ý kiến đương sự trong vụ án ngày 03/7/2024; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng ngày 03/7/2024; Giấy ủy quyền ngày 23/7/2024; Đơn đề nghị phô tô tài liệu ngày 25/7/2024; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2024, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 2404WONJIN/SĐHĐTC ngày 15/4/2024,

Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 2404WONJIIN/SĐHĐTC ngày 25/7/2024, bản tự khai ngân hàng ngày 20/8/2024.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần S1, Công ty Cổ phần S1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần S1.

Giữa Ngân hàng và Công ty TNHH W có ký hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 ngày 12/06/2023, Ngân hàng N - Chi nhánh T2 và Công ty TNHH W ký kết Hợp đồng tín dụng theo đó Ngân hàng N - Chi nhánh T2 đồng ý cho Công ty TNHH W vay hạn mức là 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng) mục đích để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất vay vốn VND trong hạn là 9%/năm, lãi suất vay vốn USD trong hạn là 4.5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 12/06/2023, kỳ hạn khế ước là 06 tháng, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Có thế chấp tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/WONJINKOLON-MMTB/HĐTC ngày 24/01/2022 giữa A Chi nhánh T2 và Công ty TNHH W1 sau đổi tên thành Công ty TNHH W, được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 24/01/2022, hồ sơ thế chấp tài sản đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định tại Trung Tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng (xác nhận ngày 24/01/2022). Đính kèm Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 2404WONJIN/SĐHĐTC ngày 15/04/2024, ngày 25/7/2024 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh T2 và Công ty TNHH W.

Nay Ngân hàng và Công ty TNHH W thỏa thuận nên ghi nhận nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Công ty TNHH W phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ 6.133.118.818 đồng, trong đó, nợ gốc: 241,488.78 USD (tương đương 6.092.761.919 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng); Nợ lãi tạm tính đến ngày 20/8/2024 là 1,599.56 USD (tương đương 40.356.899 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng/USD).

Công ty TNHH W phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 ngày 12/06/2023 kể từ ngày 21/8/2024 trở đi cho đến khi thi hành xong nợ.

Trường hợp Công ty TNHH W không thanh toán, thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm các tài sản theo hợp đồng bảo đảm số 01/2022/WONJINKOLON-MMTB/HĐTC ngày 24/01/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 24/01/2022 đã được ký hợp đồng thế chấp, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Trung Tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng và các hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 15/4/2024, ngày 25/7/2024 vào đảm bảo thi hành án.

Trường hợp phát mãi tài sản không đủ thanh toán nợ Công ty TNHH W có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị ghi nhận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần S1, Công ty Cổ phần S1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần S1.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 ngày 12/06/2023 giữa Ngân hàng N – chi nhánh T2 với Công ty TNHH W được xác lập trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 ngày 12/06/2023 và các lần giải ngân, khế ước nhận nợ của Ngân hàng cho Công ty TNHH W cùng lời trình bày xác nhận của bị đơn, xác định có việc giao kết hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn Công ty TNHH W và hai bên ký kết hợp đồng thế chấp như Ngân hàng khởi kiện và bị đơn trình bày.

Tại phiên tòa Công ty TNHH W đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng ý thanh toán số nợ gốc, lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, đồng ý dùng tài sản bảo đảm đã ký thế chấp với Ngân hàng để thanh toán khoản nợ và tiếp tục thanh toán cho đến khi hết tất cả các khoản nợ; đồng thời các đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ án phí kinh doanh thương mại và $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, tuy nhiên, có đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Công ty TNHH W có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 6.133.118.818 đồng, trong đó, nợ gốc: 241,488.78 USD (tương đương 6.092.761.919 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng/USD); Nợ lãi tạm tính đến ngày 20/8/2024 là 1,599.56 USD (tương đương 40.356.899 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng/USD). Công ty TNHH W có nghĩa vụ thanh toán các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 21/8/2024 đến khi hết khoản nợ.

Đưa các tài sản thế chấp do các bên ký kết theo Hợp đồng thế chấp số 01/2022/WONJINKOLON-MMTB/HĐTC ngày 24/01/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 24/01/2022 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Trung Tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng và các hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 15/4/2024, ngày 25/7/2024 vào đảm bảo thi hành án trong trường hợp bị đơn không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán đến khi hết khoản nợ vay.

Công ty cổ phần S1 trình bày về yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng liên quan đến công nợ của Ngân hàng D không phải là một bên tham gia giao kết, thực hiện nên Sonadezi L không có ý kiến. Về vấn đề hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp, Sonadezi Long T1 đề nghị tòa án khi giải quyết yêu cầu của Ngân hàng cần xem xét thấu đáo để có quyết định bảo đảm quyền lợi hợp pháp chính đáng của Sonadezi Long T1. Xét Sonadezi L không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án nên không xét.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 114.133.118 đồng. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Ngân hàng và Công ty TNHH W mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ án phí. Ngân hàng chịu 57.066.559 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.372.309 đồng theo biên lai số 0015912 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Hoàn trả cho Ngân hàng 305.750 đồng. Công ty TNHH W chịu 57.066.559 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng và Công ty TNHH W thỏa thuận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thực hiện thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng : 2 = 350.000 đồng. Do Ngân hàng N đã nộp số tiền này nên Công ty TNHH W có trách nhiệm hoàn trả nguyên đơn 350.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 303, Điều 304, Điều 307, Điều 321, Điều 323, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn Công ty TNHH W.

Ghi nhận sự tự nguyện Công ty TNHH W thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 6.133.118.818 đồng, trong đó, nợ gốc: 241,488.78 USD (tương đương 6.092.761.919 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng/USD); Nợ lãi tạm tính đến ngày 20/8/2024 là 1,599.56 USD (tương đương 40.356.899 đồng, tỷ giá tạm tính 25.230 đồng/USD).

Công ty TNHH W phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300222 ngày 12/06/2023 kể từ ngày 21/8/2024 trở đi cho đến khi thi hành xong nợ.

Trường hợp Công ty TNHH W không thanh toán, thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm các tài sản theo hợp đồng bảo đảm số 01/2022/WONJINKOLON-MMTB/HĐTC ngày 24/01/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 24/01/2022 đã được ký hợp đồng thế chấp, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Trung Tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng và các hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 15/4/2024, ngày 25/7/2024 vào đảm bảo thi hành án.

Trường hợp phát mãi tài sản không đủ thanh toán nợ Công ty TNHH W có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng N chịu 57.066.559 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.372.309 đồng theo biên lai số 0015912 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Hoàn trả cho Ngân hàng 305.750 đồng tạm ứng án phí. Công ty TNHH W phải chịu 57.066.559 đồng (năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi chín đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng và Công ty TNHH W mỗi bên chịu chi phí thực hiện thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ là 350.000 đồng. Do Ngân hàng N đã nộp số tiền này nên Công ty TNHH W có trách nhiệm hoàn trả nguyên đơn 350.000 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH W chưa thi hành xong số tiền 350.000 đồng, thì hàng tháng Công ty TNHH W còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng N, Công ty TNHH W có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần S1 vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu (4).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc An

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nguyễn Văn Ba Nguyễn Ngọc An

